

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1989; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt

ĐKKHKT: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1988; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Cao Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

- Ông Đặng Văn D, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh C kết hôn ngày 30/11/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết

hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống; anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho vợ con. Vì vậy cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, không được hạnh phúc. Từ tháng 01/2015, chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 23/6/2013. Cháu Đ đang ở cùng chị và bà ngoại. Chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình 01 tháng khoảng 6.500.000đ.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của gia đình anh C, gia đình chị T cũng như tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh C đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; anh C mải chơi, chưa tu chí làm ăn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Ngoài ra, mẹ đẻ chị T là bà Cao Thị D còn ý kiến nếu chị T được giao nuôi con, bà sẽ hỗ trợ chị T chăm sóc cháu Đ; còn ông D là bố đẻ của anh C ý kiến gia đình ông nhất trí để chị T nuôi cháu Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị T ly hôn anh Đặng Văn C. Về con chung: Giao con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 23/6/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt

nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T, anh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án làm việc. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh C đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống; anh C còn chơi bời, chưa tu chí làm ăn, chưa quan tâm tới vợ con, vì vậy mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh C và kiên quyết xin ly hôn với anh C. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị T ly hôn anh C là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị T, anh C có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 23/6/2013. Xét hiện nay anh C đi làm xa, cháu Đ đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng xin nuôi con, gia đình anh C ý kiến nhất trí để chị T nuôi cháu Đức. Mặt khác cháu Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định và quyền lợi cao nhất cho con chung khi bố mẹ ly hôn nhau. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị T ly hôn anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 23/6/2013 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của

chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001885 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung